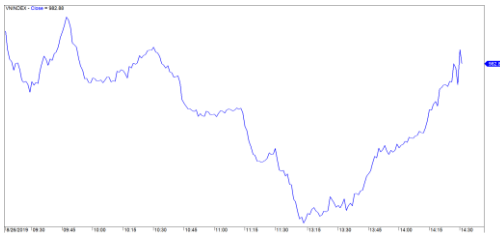


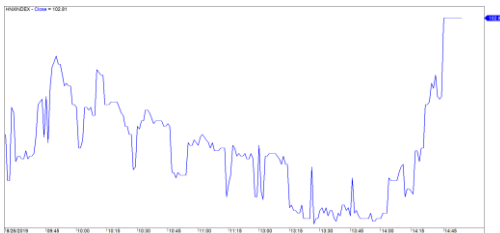
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	982.88	102.81	57.53
% ngày	-0.96%	-0.43%	-0.71%
% tuần	1.27%	0.88%	0.70%
% tháng	0.30%	-3.24%	-0.87%
% năm	0.52%	-6.58%	12.70%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,788	268	334
TB 1 tuần	4,139	354	484
TB 1 tháng	4,384	391	477
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	241.93	14.18	42.32
Bán	439.23	16.74	12.01
Giá trị ròng	-197.30	-2.56	30.31
Độ rộng TT			
Mã Tăng	97	59	181
Mã Giảm	196	83	99
Không Đổi	95	225	616
Chỉ số chính			
P/E	16.72	9.25	19.48
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,361	189	1,033
LS Cổ tức	1.15%	4.66%	5.31%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông tin tiêu cực từ thị trường thế giới phiên cuối tuần khiến các chỉ số Việt Nam lao dốc ngay từ đầu phiên. VN-Index giảm về mức thấp nhất gần 876 điểm nhưng hồi phục từ ngưỡng này. Chỉ số đóng cửa tại 982.88 điểm thu hẹp mức giảm còn 0.96%. Chỉ số HNX-Index giảm 0.43% dừng tại 102.81 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm 0.71% neo tại 57.53 điểm. Giá trị giao dịch toàn thị trường đạt 3,868 tỷ đồng khớp lệnh.

Mặc dù có mức giảm mạnh nhưng vẫn xuất hiện cổ phiếu đi ngược thị trường. MBB là cổ phiếu tâm điểm của phiên khi tăng 2.9% đóng cửa tại 23,300 đồng/cp mức cao nhất kể từ đầu tháng 10/2018 cho tới nay. Hai mã Ngân hàng khác là VPB(+1.5%), BID(+0.8%) cũng hồi phục. Các cổ phiếu đang trong xu hướng tăng vừa qua cũng duy trì xu hướng như GMD(+0.4%), PNJ(+1.2%), HDC(+2.7%), DBD(+6.9%), TDC(+3.9%), KBC(+1%). Đồng thời, một số cổ phiếu giảm sâu vừa qua cũng có mức tăng ấn tượng như DIG(+3.6%), DXG(+4%), HVG(+6.9%).

Khối ngoại tiếp tục bán ròng 169 tỷ đồng trên cả ba sàn. Chứng quỹ quỹ E1VFN30 bị bán ròng hơn 83 tỷ đồng dẫn đầu danh sách. Ở chiều mua ròng, NVL, VIC được mua ròng tích cực nhất lần lượt 24 tỷ và 15,7 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể tiến về lại mức 990 điểm trong phiên kế tiếp. Dòng tiền bắt đáy gia tăng ở các nhịp giảm mạnh và duy trì xu hướng tăng cho nên nhiều khả năng áp lực bán sẽ suy yếu ở mức giá thấp và nhiều cổ phiếu có thể quay trở lại xu hướng tăng trong phiên kế tiếp. Đồng thời, thị trường vẫn chưa hình thành các dấu hiệu đảo chiều ngắn hạn cho nên chúng tôi đánh giá đây chỉ là nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu giảm nhẹ và vẫn duy trì trên mức 50% cho thấy chiến lược ngắn hạn là cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 976.64 điểm của chỉ số VN-Index và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 104.35 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và vẫn nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao.

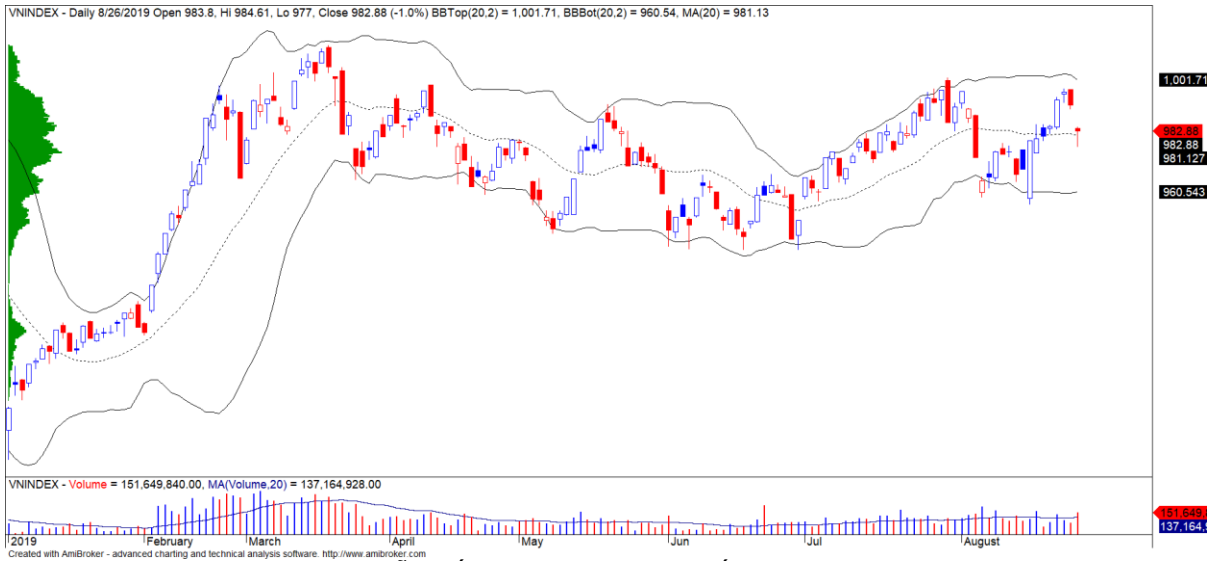
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 55% cổ phiếu/45% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.50	GIẢM	GIẢM		17.57			16.85	16.52	-1.95%	
ACB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-0.88%			23.85		
ACV	81.80	GIẢM	TĂNG		85.12			90.00	81.77	-9.11%	
ANV	24.65	GIẢM	GIẢM		25.74				28.47		
ASM	6.26	GIẢM	GIẢM	6.57	6.31	-3.91%	BÁN		6.91		
BFC	15.00	GIẢM	GIẢM	15.90	15.02	-5.51%	BÁN		17.86		
BID	37.85	TĂNG	TĂNG	32.65	36.03	15.93%		33.40	31.96	13.32%	
BMP	50.40	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-3.63%		48.30	44.87	4.35%	
BSR	9.30	GIẢM	GIẢM		9.94				11.64		
BVH	77.80	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.90%	
BWE	27.00	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-0.74%		20.00	25.45	35.00%	
CEO	10.20	GIẢM	GIẢM		10.70				11.33		
CII	20.30	GIẢM	GIẢM		21.36				22.84		
CMG	39.85	TĂNG	TĂNG	40.15	38.51	-0.75%		23.20	34.35	71.77%	
CMX	33.40	TĂNG	TĂNG	30.30	27.90	10.23%		5.91	24.85	465.14%	
CSM	15.20	TĂNG	TĂNG	15.40	14.64	-1.30%		14.39	14.22	5.63%	
CTD	97.00	GIẢM	GIẢM		104.76			112.70	99.66	-11.57%	
CTG	20.30	GIẢM	GIẢM		20.90				22.52		
CTI	23.90	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	65.20	TĂNG	N/A	28.80	58.00	126.39%		-	N/A		
CVT	21.30	TĂNG	TĂNG	19.80	20.62	7.58%		20.35	18.32	4.67%	
DCM	8.04	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	28.00	GIẢM	TĂNG		29.99			31.90	27.79	-12.23%	
DGW	23.70	TĂNG	TĂNG	23.50	23.17	0.85%		23.50	21.23	0.85%	
DHA	33.45	GIẢM	TĂNG		35.42			29.10	32.95	14.95%	
DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		33.21				37.22		
DHG	93.20	GIẢM	GIẢM		97.79				105.87		
DIG	14.40	TĂNG	TĂNG	13.45	12.96	7.06%		13.90	13.66	3.60%	MUA
DPG	53.30	TĂNG	TĂNG	39.40	49.22	35.28%		40.02	42.50	33.19%	
DPM	13.60	TĂNG	GIẢM	14.40	13.53	-5.56%			15.58		
DPR	40.60	GIẢM	GIẢM		43.97			42.50	41.14	-3.19%	
DQC	17.60	GIẢM	GIẢM		18.82				20.27		
DRC	22.20	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	8.56%		21.60	18.71	2.78%	
DXG	14.30	TĂNG	GIẢM	16.15	12.99	-11.46%			14.74		
EIB	16.85	GIẢM	GIẢM		18.23			14.70	16.88	14.83%	



We Create Fortune

FCN	12.65	GIẢM	GIẢM		13.41			14.53			
FMC	29.85	TĂNG	GIẢM	32.10	27.83	-7.01%		31.60	30.62	-3.10%	MUA
FPT	53.70	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	18.81%		46.00	48.35	16.74%	
GAS	101.50	TĂNG	GIẢM	105.20	100.38	-3.52%			112.07		
GEX	19.80	TĂNG	TĂNG	22.20	19.77	-10.81%		20.20	18.53	-1.98%	
GIL	21.80	GIẢM	GIẢM		23.53				26.35		
GMD	28.30	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.59%		28.50	25.09	-0.70%	
GTN	19.30	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	2.66%		15.00	16.84	28.67%	
GVR	16.10	TĂNG	N/A	13.50	15.22	19.26%			N/A		
HAG	4.81	GIẢM	GIẢM		5.08				5.59		
HAX	19.80	TĂNG	TĂNG	20.00	19.55	-1.00%		15.75	17.36	25.71%	
HBC	13.75	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-3.51%			15.82		
HCM	20.80	TĂNG	GIẢM	20.90	20.45	-0.48%			23.15		
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.45	0.00%			27.77		
HDC	22.50	TĂNG	TĂNG	15.25	20.24	47.54%		15.25	17.11	47.54%	
HDG	35.25	GIẢM	TĂNG		37.59			35.30	32.61	-0.14%	
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		18.45			17.10	16.59	-0.58%	
HPG	22.80	TĂNG	GIẢM	23.30	22.34	-2.15%			23.96		
HSG	6.84	GIẢM	GIẢM	7.10	6.87	-3.22%	BÁN		7.74		
HT1	15.35	TĂNG	GIẢM	15.95	15.18	-3.76%			16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVN	37.50	GIẢM	GIẢM		39.94			39.00	38.75	-0.65%	BÁN
KBC	15.65	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-2.19%		15.35	14.17	1.95%	
KDH	24.10	TĂNG	TĂNG	22.90	23.47	5.24%		24.00	21.66	0.42%	
KSB	24.50	TĂNG	TĂNG	22.95	23.35	6.75%		23.90	20.66	2.51%	
LCG	9.06	GIẢM	GIẢM		9.79				10.92		
LDG	8.75	TĂNG	GIẢM	8.18	8.21	6.97%			9.15		
LHG	18.50	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-4.15%	
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33		
LSS	5.27	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-2.23%			5.84		
MBB	23.30	TĂNG	TĂNG	22.20	21.89	4.95%		21.85	20.88	6.64%	
MPC	29.90	GIẢM	GIẢM		31.01				38.81		
MSN	76.00	TĂNG	GIẢM	78.00	74.67	-2.56%			84.26		
MSR	16.50	GIẢM	GIẢM		17.19				19.13		
MWG	116.40	TĂNG	TĂNG	110.00	114.72	5.82%		88.70	108.74	31.23%	
NDN	18.80	TĂNG	TĂNG	14.10	17.76	33.33%		13.70	15.83	37.23%	
NKG	6.40	TĂNG	GIẢM	6.65	6.28	-3.76%			6.85		
NLG	30.20	GIẢM	TĂNG	29.90	30.72	2.76%	BÁN	28.70	28.89	5.23%	
NT2	24.90	GIẢM	GIẢM		25.05				26.43		



We Create Fortune

NTL	25.50	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	11.11%		10.45	23.02	144.02%	
NVL	62.00	TĂNG	GIẢM	61.90	60.79	0.16%			62.33		
OIL	11.40	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-2.56%			12.38		
PAC	29.00	GIẢM	GIẢM		31.33				34.05		
PC1	18.15	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	4.01%			18.38		
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-10.00%	
PHR	70.80	GIẢM	TĂNG		74.65			24.00	65.28	195.00%	
PLX	60.80	GIẢM	TĂNG		63.73			62.40	59.59	-2.56%	
PNJ	83.80	GIẢM	TĂNG		87.28			104.00	78.69	-19.42%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				14.83		
PVT	17.70	TĂNG	TĂNG	17.45	17.38	1.43%		18.30	15.66	-3.28%	
PPC	26.00	TĂNG	GIẢM	26.80	25.07	-2.99%			29.10		
PTB	69.50	TĂNG	TĂNG	69.70	68.32	-0.29%		64.00	64.57	8.59%	
PVB	20.60	GIẢM	TĂNG		22.54			20.10	19.27	2.49%	
PVD	17.95	TĂNG	TĂNG	16.35	17.05	9.79%		18.10	17.91	-0.83%	MUA
PVI	37.10	GIẢM	GIẢM	38.10	37.63	-1.23%	BÁN		39.70		
PVS	20.60	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-4.63%			23.52		
PXS	6.15	TĂNG	TĂNG	5.70	5.86	7.89%		4.85	5.12	26.80%	
QNS	29.90	GIẢM	TĂNG		30.57			33.80	28.22	-11.54%	
REE	36.30	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	6.76%		33.33	32.72	8.93%	
SAB	273.40	GIẢM	TĂNG		286.74			245.00	259.03	11.59%	
SAM	7.79	GIẢM	TĂNG		8.04			7.40	7.69	5.27%	
SCR	6.63	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-4.19%			7.23		
SHI	9.25	TĂNG	TĂNG	8.39	8.10	10.25%		6.99	7.49	32.33%	
SJS	18.35	TĂNG	GIẢM	18.35	17.86	0.00%	MUA	-	19.89		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.77				12.61		
SSI	21.60	TĂNG	GIẢM	22.50	21.33	-4.00%			24.29		
STB	10.55	TĂNG	GIẢM	10.70	10.09	-1.40%			11.20		
TCB	21.25	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	1.92%			22.22		
TCM	24.45	GIẢM	GIẢM		25.49				28.26		
TDH	9.76	TĂNG	GIẢM	9.40	9.36	3.83%			10.07		
TLH	4.60	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-3.16%			5.14		
TNG	18.60	GIẢM	GIẢM		19.29				21.22		
VCB	77.80	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.75%		62.00	73.39	25.48%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	87.50	TĂNG	TĂNG	81.10	83.78	7.89%		68.00	75.42	28.68%	
VGC	18.40	GIẢM	GIẢM		19.09				20.64		
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		9.30				10.49		
VHC	79.90	GIẢM	GIẢM		85.97				92.80		

We Create Fortune

VHM	85.90	TĂNG	TĂNG	87.30	83.69	-1.60%		90.20	76.55	-4.77%	
VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	3.53%		17.70	15.68	-0.56%	
VIC	124.80	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-1.03%		112.00	113.20	11.43%	
VIP	5.12	GIẢM	GIẢM		5.17				5.48		
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.86%		124.50	124.10	6.02%	
VND	14.30	GIẢM	GIẢM		14.96				16.01		
VNG	20.10	TĂNG	TĂNG	19.10	19.41	5.24%		20.20	19.93	-0.50%	MUA
VNM	120.50	GIẢM	GIẢM	124.10	120.71	-2.73%	BÁN		130.37		
VPB	20.10	TĂNG	TĂNG	19.10	19.04	5.24%			19.82		
VPI	41.40	TĂNG	TĂNG	42.20	40.19	-1.90%		41.30	41.25	0.24%	MUA
VRC	15.80	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	3.27%			16.26		
VRE	34.90	GIẢM	TĂNG		36.46			35.00	33.61	-0.29%	
VSC	29.90	TĂNG	GIẢM	28.60	27.92	4.55%			32.28		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.50	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-0.88%			23.85		
BID	37.85	TĂNG	TĂNG	32.65	36.03	15.93%		33.40	31.96	13.32%	
BSR	9.30	GIẢM	GIẢM		9.94				11.64		
BVH	77.80	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.90%	
CTG	20.30	GIẢM	GIẢM		20.90				22.52		
EIB	16.85	GIẢM	GIẢM		18.23			14.70	16.88	14.83%	
FPT	53.70	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	18.81%		41.00	48.35	30.99%	
GAS	101.50	TĂNG	GIẢM	105.20	100.38	-3.52%			112.07		
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.45	0.00%			27.77		
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		18.45			17.10	16.59	-0.58%	
HPG	22.80	TĂNG	GIẢM	23.30	22.34	-2.15%			23.96		
HVN	37.50	GIẢM	GIẢM		39.94			39.00	38.75	-0.65%	BÁN
KDH	24.10	TĂNG	TĂNG	22.90	23.47	5.24%		24.00	21.66	0.42%	
MBB	23.30	TĂNG	TĂNG	22.20	21.89	4.95%		21.27	20.88	9.54%	
MSN	76.00	TĂNG	GIẢM	78.00	74.67	-2.56%			84.26		
MWG	116.40	TĂNG	TĂNG	110.00	114.72	5.82%		88.70	108.74	31.23%	
NVL	62.00	TĂNG	GIẢM	61.90	60.79	0.16%			62.33		
OIL	11.40	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-2.56%			12.38		
PLX	60.80	GIẢM	TĂNG		63.73			59.97	59.59	1.38%	
PNJ	83.80	GIẢM	TĂNG		87.28			77.88	78.69	7.60%	

We Create Fortune

POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46			14.83		
PVS	20.60	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-4.63%		23.52		
QNS	29.90	GIẢM	TĂNG		30.57		33.80	28.22	-11.54%	
REE	36.30	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	6.76%	33.33	32.72	8.93%	
ROS	26.80	GIẢM	GIẢM		27.09			30.08		
SSI	21.60	TĂNG	GIẢM	22.50	21.33	-4.00%		24.29		
STB	10.55	TĂNG	GIẢM	10.70	10.09	-1.40%		11.20		
TCB	21.25	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	1.92%		22.22		
TPB	22.55	GIẢM	GIẢM		22.88			N/A		
VCB	77.80	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.75%	62.00	73.39	25.48%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%	18.44	24.08	43.16%	
VEA	54.20	TĂNG	GIẢM	54.50	49.40	-0.55%		N/A		
VGI	37.30	TĂNG	GIẢM	29.50	33.99	26.44%		N/A		
VHM	85.90	TĂNG	TĂNG	87.30	83.69	-1.60%	90.20	76.55	-4.77%	
VIB	17.60	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	3.53%	17.70	15.68	-0.56%	
VIC	124.80	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-1.03%	112.00	113.20	11.43%	
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.86%	124.50	124.10	6.02%	
VNM	120.50	GIẢM	GIẢM	124.10	120.71	-2.73%	BÁN	130.37		
VPB	20.10	TĂNG	TĂNG	19.10	19.04	5.24%		19.82		
VRE	34.90	GIẢM	TĂNG		36.46		34.00	33.61	2.66%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.50	GIẢM	GIẢM		17.57			16.85	16.52	-1.95%	
ANV	24.65	GIẢM	GIẢM		25.74				28.47		
ASM	6.26	GIẢM	GIẢM	6.57	6.31	-3.91%	BÁN		6.91		
BMP	50.40	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-3.63%		48.30	44.87	4.35%	
BWE	27.00	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-0.74%		19.44	25.45	38.89%	
C4G	8.10	GIẢM	GIẢM		8.47				9.78		
CEO	10.20	GIẢM	GIẢM		10.70				11.33		
CII	20.30	GIẢM	GIẢM		21.36				22.84		
CRE	24.90	GIẢM	GIẢM		25.34				26.06		
CTI	23.90	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	65.20	TĂNG	#N/A	28.80	58.00	126.39%		-	#N/A		
DCM	8.04	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		33.21				37.22		

We Create Fortune

DIG	14.40	TĂNG	TĂNG	13.45	12.96	7.06%		13.90	13.66	3.60%	MUA
DPM	13.60	TĂNG	GIẢM	14.40	13.53	-5.56%			15.58		
DRC	22.20	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	8.56%		21.60	18.71	2.78%	
DXG	14.30	TĂNG	GIẢM	16.15	12.99	-11.46%			14.74		
E1VFN30	14.85	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	1.57%			15.16		
FCN	12.65	GIẢM	GIẢM		13.41				14.53		
FLC	3.87	GIẢM	GIẢM		4.06				4.48		
FTM	13.40	GIẢM	GIẢM		15.98				25.17		
GEG	27.30	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	19.74%		12.90	23.98	111.63%	
GEX	19.80	TĂNG	TĂNG	22.20	19.77	-10.81%		20.20	18.53	-1.98%	
GMD	28.30	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	6.59%		28.50	25.09	-0.70%	
GTN	19.30	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	2.66%		15.00	16.84	28.67%	
GVR	16.10	TĂNG	#N/A	13.50	15.22	19.26%		-	#N/A		
HAG	4.81	GIẢM	GIẢM		5.08				5.59		
HBC	13.75	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-3.51%			15.82		
HCM	20.80	TĂNG	GIẢM	20.90	20.45	-0.48%			23.15		
HDG	35.25	GIẢM	TĂNG		37.59			35.30	32.61	-0.14%	
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.75%		-	#N/A		
HSG	6.84	GIẢM	GIẢM	7.10	6.87	-3.22%	BÁN		7.74		
HT1	15.35	TĂNG	GIẢM	15.95	15.18	-3.76%			16.70		
IBC	21.00	GIẢM	TĂNG		21.33			24.90	20.15	-15.66%	
IDI	6.29	GIẢM	GIẢM	6.50	6.32	-2.78%	BÁN		7.19		
IJC	15.10	TĂNG	TĂNG	11.35	14.43	33.04%		13.10	12.30	15.27%	
ITA	3.25	GIẢM	TĂNG		3.51			3.20	2.96	1.56%	
KBC	15.65	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	-2.19%		15.35	14.17	1.95%	
KSB	24.50	TĂNG	TĂNG	22.95	23.35	6.75%		23.90	20.66	2.51%	
LDG	8.75	TĂNG	GIẢM	8.18	8.21	6.97%			9.15		
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33		
MBS	15.40	GIẢM	TĂNG		16.03			16.00	14.25	-3.75%	
MPC	29.90	GIẢM	GIẢM		31.01				38.81		
NBB	20.00	GIẢM	TĂNG		21.23			21.50	19.30	-6.98%	
NKG	6.40	TĂNG	GIẢM	6.65	6.28	-3.76%			6.85		
NLG	30.20	GIẢM	TĂNG	29.90	30.72	2.76%	BÁN	28.70	28.89	5.23%	
NT2	24.90	GIẢM	GIẢM		25.05				26.43		
NTC	188.80	TĂNG	TĂNG	194.30	180.16	-2.83%		120.00	162.94	57.33%	
NTL	25.50	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	11.11%		9.33	23.02	173.27%	
NVB	7.10	GIẢM	GIẢM		7.68				8.41		
OGC	4.01	TĂNG	GIẢM	4.09	3.97	-1.96%			4.54		

We Create Fortune

PC1	18.15	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	4.01%		18.38			
PDR	26.10	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	10.62%	
PHR	70.80	GIẢM	TĂNG		74.65			22.86	65.28	209.65%	
PPC	26.00	TĂNG	GIẢM	26.80	25.07	-2.99%			29.10		
PTB	69.50	TĂNG	TĂNG	69.70	68.32	-0.29%		60.78	64.57	14.35%	
PVD	17.95	TĂNG	TĂNG	16.35	17.05	9.79%		18.10	17.91	-0.83%	MUA
PVI	37.10	GIẢM	GIẢM	38.10	37.63	-1.23%	BÁN		39.70		
PVT	17.70	TĂNG	TĂNG	17.45	17.38	1.43%		18.30	15.66	-3.28%	
QCG	4.50	GIẢM	GIẢM		4.96				5.28		
SAM	7.79	GIẢM	TĂNG		8.04			7.40	7.69	5.27%	
SBT	16.00	GIẢM	GIẢM		16.41				17.18		
SCR	6.63	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-4.19%			7.23		
SHB	6.30	GIẢM	GIẢM		6.45				7.00		
SHS	8.00	GIẢM	GIẢM		8.57				9.66		
SJS	18.35	TĂNG	GIẢM	18.35	17.86	0.00%	MUA		19.89		
STK	20.70	GIẢM	GIẢM		22.10				24.67		
SZC	24.00	GIẢM	#N/A		25.12			-	#N/A		
TCH	22.30	TĂNG	TĂNG	22.05	21.69	1.13%		22.50	20.12	-0.89%	
TCM	24.45	GIẢM	GIẢM		25.49				28.26		
TNG	18.60	GIẢM	GIẢM		19.29				21.22		
TTB	24.40	TĂNG	TĂNG	22.60	24.18	7.96%		24.50	22.43	-0.41%	
VCI	33.55	GIẢM	TĂNG		36.90			36.00	29.61	-6.81%	
VGT	8.70	GIẢM	GIẢM		9.30				10.49		
VHC	79.90	GIẢM	GIẢM		85.97				92.80		
VND	14.30	GIẢM	GIẢM		14.96				16.01		
VNG	20.10	TĂNG	TĂNG	19.10	19.41	5.24%		20.20	19.93	-0.50%	MUA
VPI	41.40	TĂNG	TĂNG	42.20	40.19	-1.90%		41.30	41.25	0.24%	MUA

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.30	GIẢM	#N/A	9.40	10.35	10.15%	BÁN	16.85	#N/A	#N/A	
AGR	5.00	TĂNG	TĂNG	4.40	4.55	13.64%		3.99	3.71	25.31%	
AMD	1.61	TĂNG	GIẢM	1.66	1.53	-3.01%			1.91		
APG	8.80	GIẢM	TĂNG		9.35			9.90	7.90	-11.11%	
ART	2.10	GIẢM	GIẢM		2.40				2.77		
BCC	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.46	-2.47%			8.95		



We Create Fortune

BCG	7.70	TĂNG	TĂNG	5.82	6.75	32.30%		6.39	5.47	20.50%	
C69	20.40	TĂNG	TĂNG	8.80	19.42	131.82%		5.30	16.56	284.91%	
CCL	8.42	TĂNG	TĂNG	6.38	7.53	31.97%		3.46	6.29	143.35%	
CRC	18.25	TĂNG	TĂNG	18.70	17.01	-2.41%		18.90	14.18	-3.44%	
CVT	21.30	TĂNG	TĂNG	19.80	20.62	7.58%		20.35	18.32	4.67%	
DAG	6.96	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	6.26%		7.09	6.09	-1.83%	
DAH	11.30	GIẢM	GIẢM		13.37			4.66	11.33	142.82%	
DGW	23.70	TĂNG	TĂNG	23.50	23.17	0.85%		23.50	21.23	0.85%	
DLG	1.59	TĂNG	GIẢM	1.61	1.52	-1.24%			1.65		
DRH	6.84	GIẢM	GIẢM		7.24				7.76		
DTD	18.00	TĂNG	TĂNG	15.90	15.37	13.21%		12.90	13.02	39.53%	
EVG	2.88	TĂNG	GIẢM	2.80	2.51	2.86%			3.02		
FIT	3.59	TĂNG	TĂNG	3.59	3.50	0.00%	MUA	3.64	3.03	-1.37%	
GKM	14.80	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	-1.33%			15.54		
HAH	15.30	TĂNG	TĂNG	12.80	14.32	19.53%		13.00	13.06	17.69%	
HAI	1.68	GIẢM	GIẢM		1.74				1.93		
HAP	3.35	GIẢM	TĂNG		3.48			3.67	3.25	-8.72%	
HAR	3.68	TĂNG	GIẢM	3.56	3.44	3.37%			3.88		
HCD	3.58	GIẢM	GIẢM		3.80				4.27		
HDA	12.10	GIẢM	TĂNG		13.01			11.30	11.25	7.08%	
HDC	22.50	TĂNG	TĂNG	15.25	20.24	47.54%		15.25	17.11	47.54%	
HHP	11.60	GIẢM	GIẢM		12.15				13.79		
HHS	2.94	GIẢM	GIẢM		3.14				3.42		
HII	11.05	GIẢM	GIẢM		11.44				12.37		
HQC	1.36	GIẢM	GIẢM		1.38				1.47		
HSL	8.89	TĂNG	GIẢM	8.10	8.48	9.75%			9.33		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVG	3.11	TĂNG	GIẢM	2.91	2.68	6.87%			3.75		
HVH	25.65	GIẢM	#N/A		27.96				#N/A		
JVC	3.10	TĂNG	TĂNG	2.76	2.89	12.32%		3.10	2.96	0.00%	MUA
KLF	1.10	GIẢM	GIẢM		1.38				1.57		
KMR	2.72	GIẢM	TĂNG		2.86			3.68	2.65	-26.09%	
LCG	9.06	GIẢM	GIẢM		9.79				10.92		
LGL	10.70	TĂNG	TĂNG	10.60	9.78	0.94%		7.11	8.90	50.43%	
LHG	18.50	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-4.15%	
LMH	16.70	GIẢM	#N/A		17.31			-	#N/A		
MST	2.80	TĂNG	GIẢM	2.80	2.57	0.00%			3.16		
NDN	18.80	TĂNG	TĂNG	14.10	17.76	33.33%		13.10	15.83	43.46%	
PHC	12.50	GIẢM	GIẢM		12.70				13.57		



We Create Fortune

PVB	20.60	GIẢM	TĂNG		22.54			20.10	19.27	2.49%	
PVC	7.40	GIẢM	TĂNG		7.71			7.10	6.67	4.23%	
PXL	5.10	GIẢM	GIẢM		5.51				6.72		
PXS	6.15	TĂNG	TĂNG	5.70	5.86	7.89%		4.85	5.12	26.80%	
QBS	3.18	TĂNG	GIẢM	3.08	2.90	3.25%			3.36		
SFG	8.57	GIẢM	GIẢM		9.34				11.64		
SHI	9.25	TĂNG	TĂNG	8.39	8.10	10.25%		6.23	7.49	48.41%	
SJF	2.82	GIẢM	GIẢM		3.07				3.88		
SKG	11.25	GIẢM	GIẢM		11.77				12.61		
TDH	9.76	TĂNG	GIẢM	9.40	9.36	3.83%			10.07		
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	-3.13%	
TLD	5.35	TĂNG	GIẢM	5.35	5.02	0.00%			5.92		
TLH	4.60	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-2.13%			5.14		
TNI	10.25	GIẢM	GIẢM		10.58				11.88		
TTF	3.07	TĂNG	GIẢM	3.15	3.00	-2.54%			3.62		
TTH	3.80	TĂNG	GIẢM	3.90	3.63	-2.56%			4.24		
TVB	24.70	TĂNG	TĂNG	17.40	22.95	41.95%		20.10	19.92	22.89%	
TVC	16.10	GIẢM	TĂNG		17.08			14.30	14.26	12.59%	
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.18%	
VCR	22.50	TĂNG	GIẢM	20.50	20.28	9.76%			25.98		
VNE	3.33	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	-0.60%			3.70		
VPG	21.40	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	0.00%		20.46	19.34	4.62%	
VRC	15.80	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	2.60%			16.26		
YBM	9.89	GIẢM	GIẢM		10.63				12.01		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	982.88	-0.96%
VN30	892.48	-0.89%
VN Mid	961.91	-0.48%
VN Small	831.17	0.02%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.81	-0.43%
HN30	189.81	-0.54%
VNX AllSh	873.17	-0.80%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.53	-0.71%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	241.93	
Bán	439.23	
GT rỗng	-197.3	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	14.18	
Bán	16.74	
GT rỗng	-2.56	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	42.32	
Bán	12.01	
GT rỗng	30.31	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DBD	3050	6.93%
HVG	200	6.87%
FIT	210	6.21%
AGR	200	4.17%
BCG	300	4.05%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	700	0.95%
VCG	200	0.76%
VCS	500	0.57%
CEO	0	0.00%
HHC	0	0.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	2000	11.49%
BCM	900	2.78%
VEA	300	0.56%
NTC	1000	0.53%
CTR	100	0.15%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FRT	-2300	-4.79%
HSG	-270	-3.80%
BFC	-550	-3.54%
VHC	-2900	-3.50%
EIB	-600	-3.44%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVI	-1300	-3.39%
PVS	-400	-1.90%
VCR	-400	-1.75%
DGC	-400	-1.41%
SHS	-100	-1.23%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EVF	-400	-4.60%
MPC	-1000	-3.24%
OIL	-200	-1.72%
VIB	-300	-1.68%
LPB	-100	-1.28%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	418,242	
VCB	293,743	
VHM	291,408	
VNM	214,190	
GAS	199,051	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,642	
VCS	13,642	
VCG	11,573	
PVS	10,037	
PVI	8,875	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,190	
VGI	114,813	
VEA	71,620	
GVR	64,492	
MCH	52,143	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,275,000	18,382,427
MBB	15,181,280	3,874,642
HPG	6,356,560	6,553,348
E1VFN30	5,965,730	1,669,724
CTI	5,001,120	1,133,302

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	3,305,522	4,503,416
PVS	2,942,458	2,775,673
HUT	1,435,772	864,793
PVX	1,339,876	1,342,404
CEO	1,118,500	1,377,656

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SDI	5,422,720	69,890
EVF	4,281,140	474,941
SIP	2,025,030	575,837
BSR	1,845,869	1,582,959
DND	1,559,620	200

Nguồn: Bloomberg & YSVN

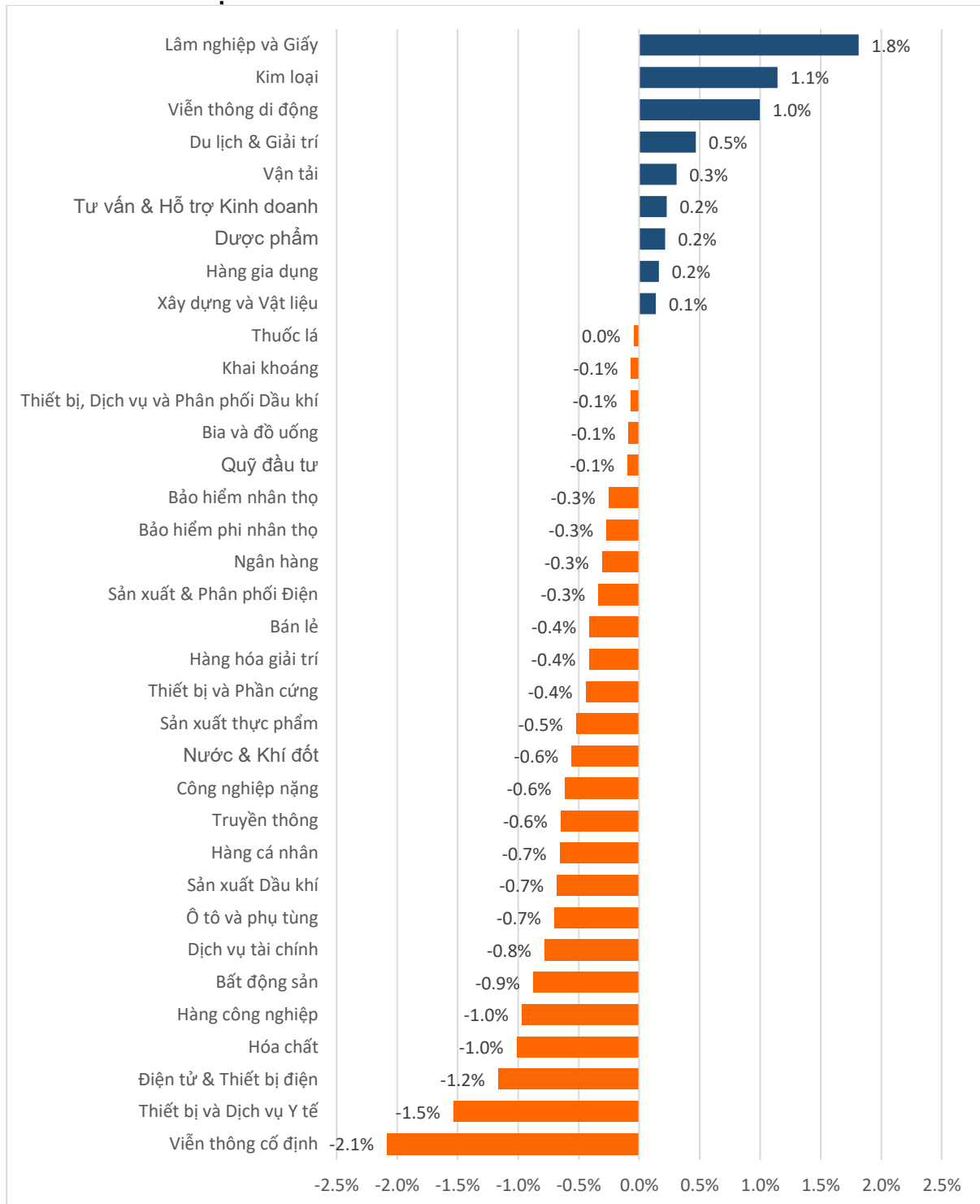
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



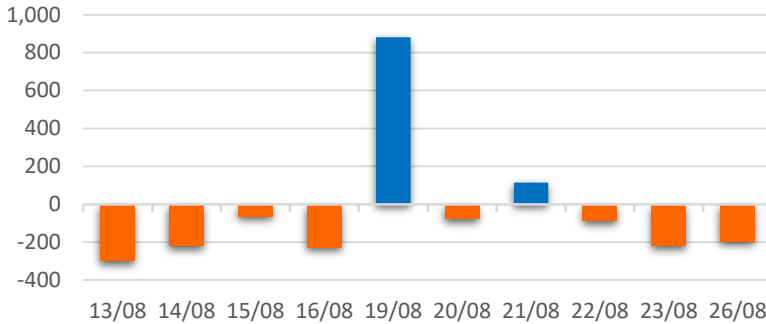
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

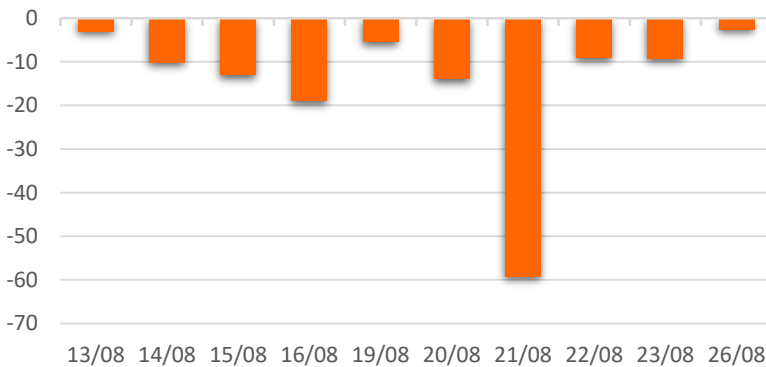
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NVL	23,957	E1VFN30	83,201
VIC	15,758	HPG	33,313
KBC	6,087	GAS	21,479
SAB	4,209	VJC	13,946
VHM	3,856	SSI	13,490

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

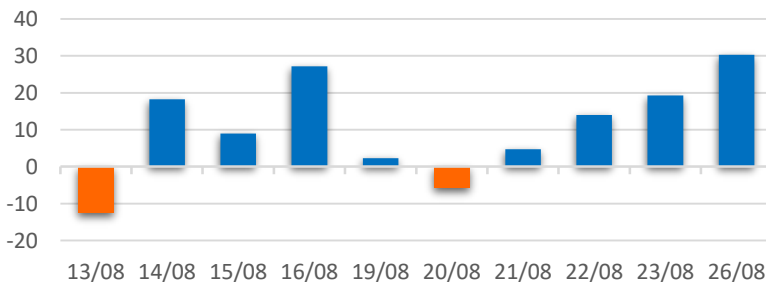
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	2,967	TNG	7,648
SCI	1,146	SHS	793
BAX	878	PPE	502
PVS	705	CEO	303
MPT	201	VCS	184

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	18,119	BSR	2,308
VEA	10,046	MPC	1,292
ACV	4,072	CTR	906
MFS	2,009	BCM	667
VGG	1,063	OIL	489

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



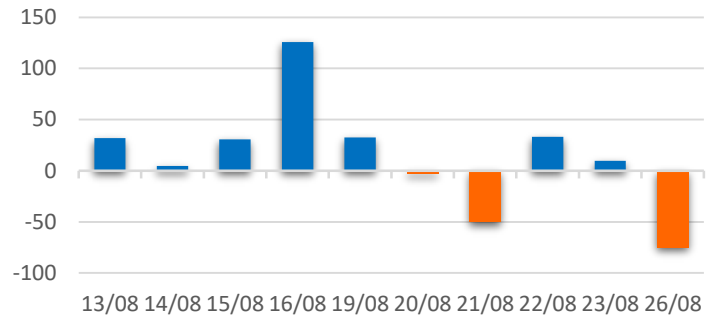
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

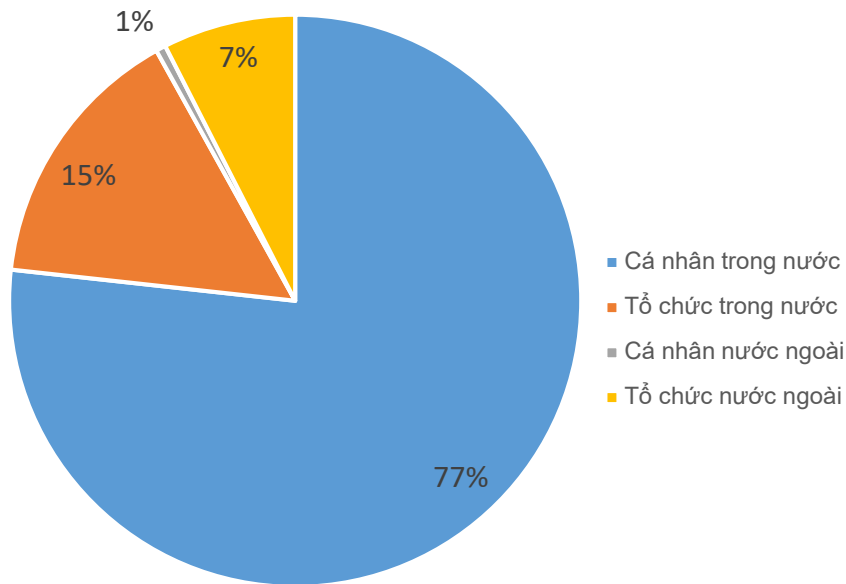
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	85,220	MBB	24,379
MBB	11,890	FPT	15,041
HPG	5,526	TCB	13,955
PLX	3,957	HPG	13,394
MWG	2,715	VNM	13,244

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

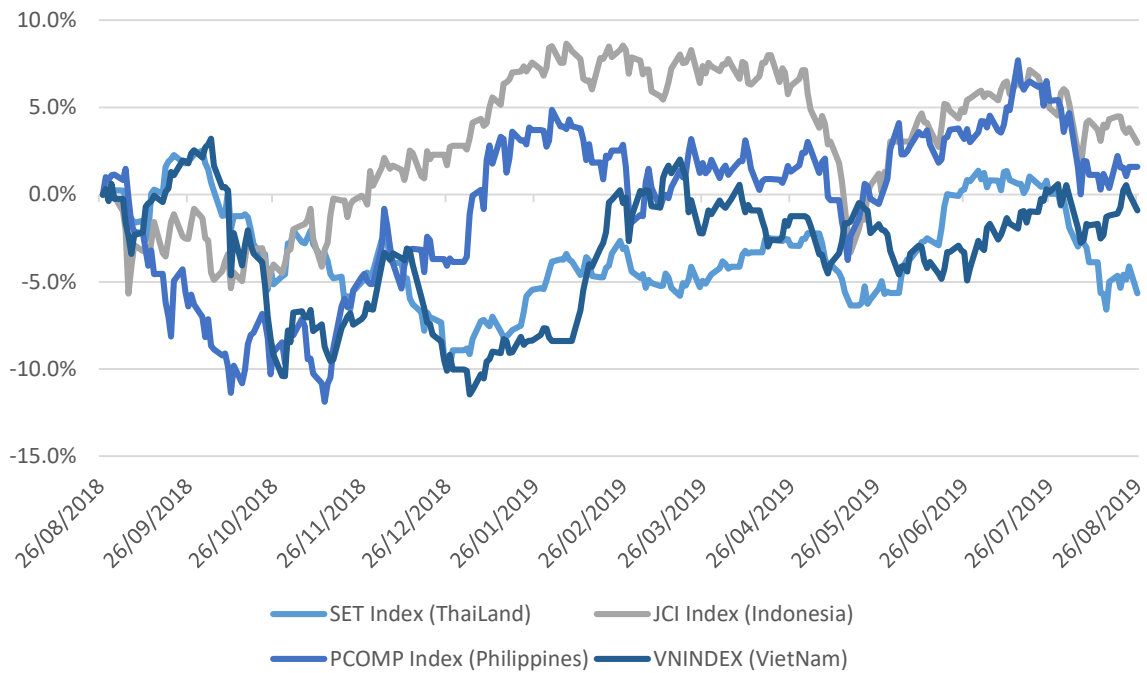


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

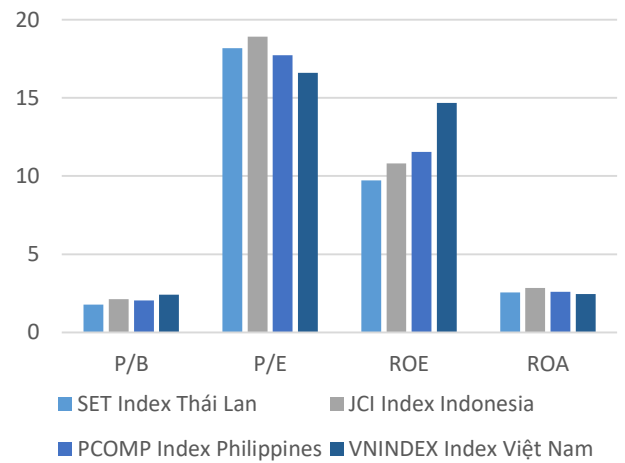
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		18.2x	18.9x	17.7x	16.6x
ROE	%	9.72	10.81	11.55	14.68
ROA	%	2.56	2.84	2.59	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	552.58	505.22	188.79	144.62
GTGD	Triệu USD	1.38	0.38	0.09	0.12
LS cổ tức	%	3.18	2.49	1.65	1.82

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qué

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written